

Số: 07/2022/QĐST-KDTM

Gia Bình, ngày 28 tháng 02 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 18 tháng 02 năm 2022 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 03/2014/TLST-KDTM ngày 28/10/2014.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn **07** ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

1.1. Nguyên đơn: Ngân hàng thương mại cổ phần Đ;

Địa chỉ trụ sở chính: Số 130 P, Quận P, thành phố Hồ Chí Minh;

Người đại diện theo ủy quyền lại: Ông Nguyễn Thanh H, chức vụ: Nhân viên Ngân hàng thương mại cổ phần Đ, chi nhánh Bắc Ninh;

Địa chỉ chi nhánh: Số 304 Trần H, phường Đ, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh (theo Văn bản ủy quyền ngày 28/10/2020 của ông Phạm Quang T, chức vụ: Giám đốc Ngân hàng thương mại cổ phần Đ, chi nhánh Bắc Ninh).

1.2. Bị đơn: Công ty TNHH T;

Địa chỉ trụ sở: Khu D, phường P, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh;

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Ngọc V, chức vụ: Giám đốc Công ty;

1.3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1.3.1. Ông Phạm Ngọc V, sinh năm 1961;

1.3.2. Bà Đào Thị T, sinh năm 1964 (là vợ ông Vân);

1.3.3. Anh Phạm Tuấn H, sinh năm 1984 (là con ông Vân và bà Tám);

1.3.4. Chị Phạm Thị Phương T, sinh năm 1985 (là con ông Vân và bà Tám);

Cùng địa chỉ: Số 08, ngõ L, tổ 70, phường V, Quận Đ, thành phố Hà Nội;

1.3.5. Ông Phạm Mạnh H, sinh năm 1965;

1.3.6. Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1967 (là vợ ông Hùng);

1.3.7. Anh Phạm Văn D, sinh năm 1988 (là con ông Hùng và bà Huê);

1.3.8. Anh Phạm Văn M, sinh năm 1989 (là con ông Hùng và bà Huê);

1.3.9. Anh Phạm Văn T, sinh năm 1991 (là con ông Hùng và bà Huê);

1.3.10. Chị Phạm Quỳnh N, sinh năm 2005 (là con ông Hùng và bà Huê);

1.3.11. Ông Phạm Xuân V, sinh năm 1962;

1.3.12. Bà Phạm Thị T, sinh năm 1968 (là vợ ông Vũ);

1.3.13. Anh Phạm Ngọc V, sinh năm 1988 (là con ông Vũ và bà Thu);

1.3.14. Anh Phạm Văn V, sinh năm 1989 (là con ông Vũ và bà Thu);

1.3.15. Chị Phạm Hải Y, sinh năm 1995 (là con ông Vũ và bà Thu);

Cùng địa chỉ: Khu D, P. P, TP. Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh.

**. Người đại diện theo ủy quyền của bà Tám, anh Hồng, chị Thúy, ông Hùng, bà Huê, anh Dũng, anh Mạnh, anh Tùng, chị Như, ông Vũ, bà Thu, anh Vinh, anh Vương và chị Yến: Ông Phạm Ngọc Vân, sinh năm 1961;*

Địa chỉ: Số 08, ngõ Linh Quang, tổ 70, phường Văn Chương, Quận Đ. thành phố Hà Nội.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Công ty TNHH T có nghĩa vụ thanh toán trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần Đ số nợ vay của các Hợp đồng tín dụng số 11401H0268/1 ngày 14/08/2012, 11401H0270/1 ngày 15/08/2012, 11401H0272/1 ngày 16/08/2012, 11401H0271/1 ngày 15/08/2012, 11401H0275/1 ngày 28/08/2012, 11401H0279/1 ngày 29/08/2012,

11401H0280/1 ngày 30/08/2012, H0331/1 ngày 22/12/2012, H0334/1 ngày 25/12/2012, H0335/1 ngày 25/12/2012, H0336/1 ngày 26/12/2012, H0340/1 ngày 26/12/2012 và H0351/1 ngày 26/01/2013 với tổng số tiền còn nợ là **26.766.156.049** đồng (Hai mươi sáu tỷ bảy trăm sáu mươi sáu triệu một trăm năm mươi sáu ngàn không trăm bốn mươi chín đồng), trong đó: Nợ gốc: 9.104.200.000 đồng; Nợ lãi trong hạn: 0 đồng; Lãi phạt quá hạn: 17.661.956.049 đồng.

Kể từ ngày 18/02/2022, Công ty TNHH T tiếp tục thanh toán phí, lãi phát sinh theo lãi suất thỏa thuận tại các hợp đồng tín dụng trên cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ cho Ngân hàng thương mại cổ phần Đ.

2.2. Về xử lý tài sản bảo đảm: Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật, nếu Công ty TNHH T không thanh toán được số tiền nợ trên thì Ngân hàng thương mại cổ phần Đ có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền phát mại tài sản thế chấp theo các Hợp đồng thế chấp số: 1317/2010 ngày 06/07/2010, 135/HĐTC ngày 02/10/2013, 169/2011 ngày 28/01/2011, 836/2010 ngày 11/05/2010, 835/2010 ngày 11/05/2010 và 834/2010 ngày 11/05/2010.

2.3. Về án phí:

2.3.1. Công ty TNHH T tự nguyện chịu 67.383.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

2.3.2. Ngân hàng thương mại cổ phần Đ không phải chịu tiền án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm. Hoàn trả lại cho Ngân hàng thương mại cổ phần Đ 59.679.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số AA/2013/00532 ngày 14/10/2014 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Bắc Ninh.

2.4. Về lệ phí: Công ty TNHH T tự nguyện chịu tiền lệ phí chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ. Công ty TNHH T phải trả Ngân hàng thương mại cổ phần Đ 30.000.000 đồng tiền lệ phí chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ đã nộp.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân

sự.

Nơi nhận:

- *Đương sự;*
- *Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;*
- *Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bắc Ninh;*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

THẨM PHÁN

Nguyễn Văn Tuyên